

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

Tháng 03 năm 2025

CTY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
BÌNH ĐỊNH

Số: 10 / BC-BMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 13 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Anh: **Binh Dinh Minerals Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **BIMICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100 390 008
- Vốn điều lệ: **123.926.300.000 đồng.**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.926.300.000 đồng.
- Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, P.Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0256-3822073-3820081
- Website: www.bimico.vn
- Mã cổ phiếu: BMC

Quá trình hình thành và phát triển

❖ Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tiền thân là Công ty Khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985, là một trong những Công ty có uy tín và tiên phong trong lĩnh vực khai thác sa khoáng tại tỉnh Bình Định cũng như ở Việt Nam.

Trải qua hơn 30 năm phát triển, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đã đứng vững và ngày càng khẳng định vị trí của mình trong cơ chế thị trường. Công ty đã được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 vào năm 1999.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chuyển thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001, thay đổi lần thứ 11 số 4100390008 ngày 17 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định

cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần là 13.114.000.000 đồng. Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2024 là 123.926.300.000 đồng.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để phục vụ cho việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán tập trung. Ngày 28 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh). Tính đến ngày 31/12/2024 tổng số cổ phiếu đã phát hành và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán TP. HCM là 12.392.630 cổ phiếu.

❖ Quá trình phát triển:

- Hiện nay Công ty đang khai thác, chế biến và kinh doanh sa khoáng Titan. Sản phẩm chính của Công ty là Ilmenite, nguyên liệu chính dùng để sản xuất bột màu Titan dioxit (TiO_2) và kim loại Titan. Bên cạnh đó trong quá trình chế biến, Công ty còn thu được các loại sản phẩm khác như: Zircon, Rutile, Monazite, Magnetic - là các hợp chất dùng trong ngành công nghiệp gạch men, que hàn điện, chế tạo bột màu Titan dioxit (TiO_2).

- Sản phẩm của Công ty sau khi được sản xuất ra đều đạt được chất lượng theo yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước. Quặng tinh Ilmenite có hàm lượng từ 48% - 51,5% TiO_2 , bột Zircon mịn có hàm lượng 65% ZrO_2 min, Rutile có hàm lượng từ 87% - 92% TiO_2 , Monazite có hàm lượng REO > 57%, Xi titan các loại có hàm lượng từ 85% - 92% TiO_2 , gang hợp kim.

- Năm 2007, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng dây chuyền nghiền mịn Zircon với vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm xuất khẩu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu do Nhà nước quy định.

- Ngày 16/9/2007 Công ty đã chính thức khởi công Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Đây là dự án chế biến sâu Titan đầu tiên của cả nước. Tháng 1 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Xi titan Bình Định – giai đoạn 1 với công suất giai đoạn 1 là 9.500 tấn sản phẩm/năm. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 44 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao đáng kể giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ, đồng thời phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng phát triển đến 2025. Nhà máy sản xuất ra các loại sản phẩm là Xi Titan có hàm lượng từ 85% đến 92% TiO_2 và Gang hợp kim có hàm lượng $\text{Fe} \geq 98\%$, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Năm 2011, thị trường tiêu thụ mặt hàng Xi titan có sự khởi sắc hơn so với trước. Mặt khác thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cũng đã giảm từ 15% xuống 10%. Các yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng Xi titan. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của thị trường về mặt hàng này, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua việc tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Công suất của Dự án giai đoạn 2 tăng lên 2,5 lần so với công suất ban đầu của Dự án giai đoạn 2. Quý 3 năm 2012 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dây chuyền luyện xi titan giai đoạn 2, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao sản lượng sản phẩm chế biến sâu cho các năm sau. Trong quá trình đầu tư xây dựng, ngoài việc đầu tư cho hệ thống thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, Công ty còn tiến hành đầu tư thêm hệ thống xử lý khói bụi cho dây chuyền thiết bị. Việc đầu tư này đã giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất lâu dài, ổn định trên địa bàn.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn bộ địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm trong phạm vi tỉnh Gia Lai. Bao gồm:

+ Trụ sở chính của Công ty: 11 Hà Huy Tập, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

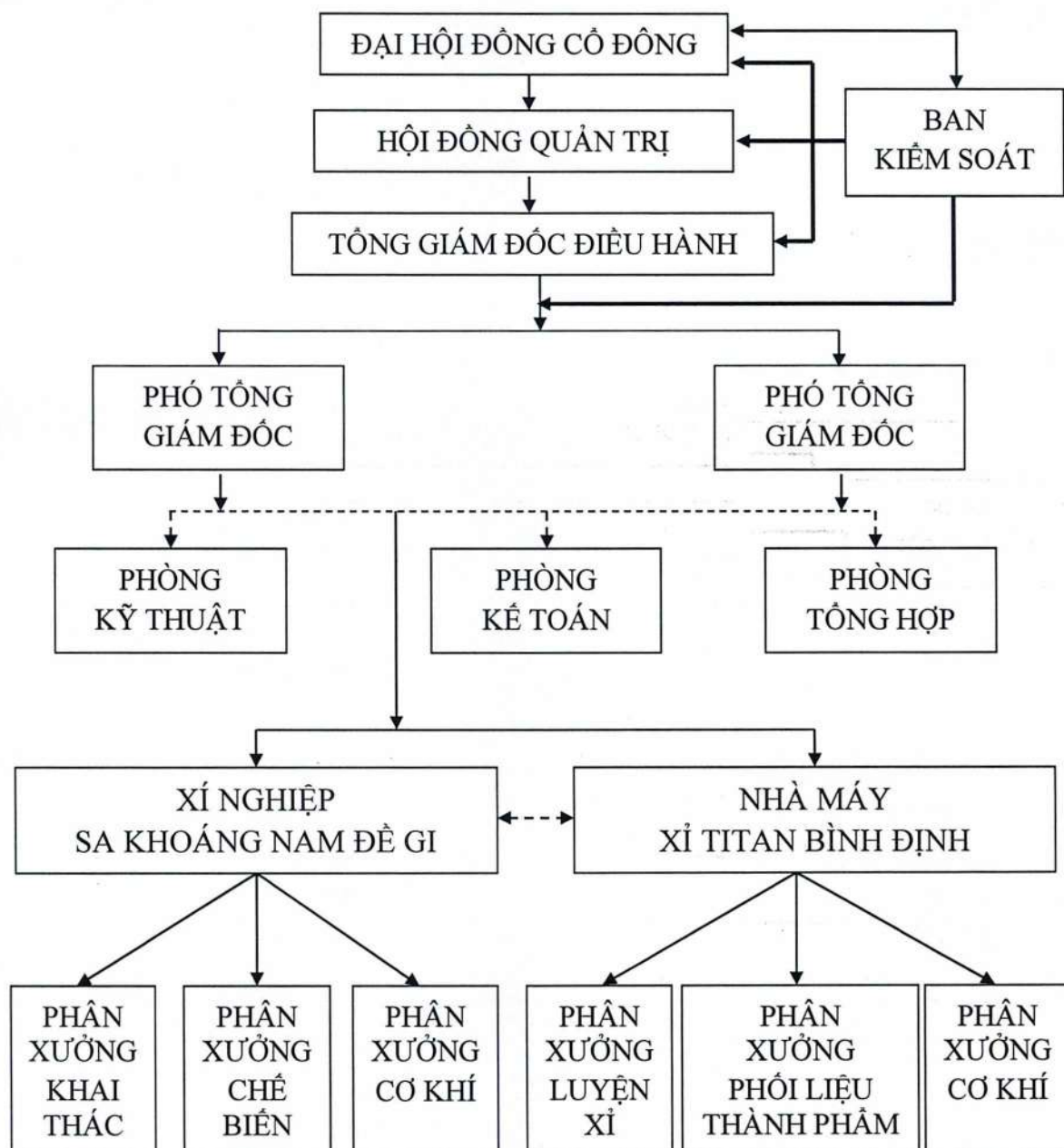
+ Các cơ sở sản xuất: Công ty hiện có 02 cơ sở sản xuất:

• Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đê Gi, thuộc xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai. Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai. Bao gồm: Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite. Trong đó sản phẩm Ilmenite sản xuất ra một phần cung cấp cho Nhà máy Xi titan Bình Định, phần còn lại dùng để bán cho các đối tượng có nhu cầu.

• Nhà máy Xi titan Bình Định: thuộc xã Xuân An, tỉnh Gia Lai. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là tinh quặng Ilmenite (là sản phẩm của XN Sa khoáng Nam Đê Gi) để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của Nhà máy là Xi titan các loại và gang hợp kim.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:



Chú thích



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng



Quan hệ kiểm soát

4. Định hướng phát triển:

- Lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự phát triển bền vững.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực trong bối cảnh khai thác mỏ đã dừng do Giấy phép khai thác Khoáng sản hết hạn, đảm bảo hiệu quả vận hành và duy trì nguồn thu.

- Hoàn tất thủ tục đóng cửa mỏ theo đúng quy định pháp luật, đồng thời đẩy mạnh các hồ sơ, thủ tục xin cấp phép mỏ titan mới nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Phát triển các sản phẩm chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác quặng thô.

- Đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cấp dây chuyền sản xuất, cải tiến quy trình nhằm nâng cao năng suất, tối ưu chi phí và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, đồng thời nâng cao chế độ phúc lợi, đời sống cho người lao động và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Ổn định và phát triển sản xuất: Điều chỉnh mô hình hoạt động, tập trung khai thác thế mạnh trong lĩnh vực chế biến sâu, nâng cao khả năng cạnh tranh bằng việc tối ưu quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đảm bảo nguồn nguyên liệu:

+ Hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép mỏ mới, đảm bảo nguồn cung cho sản xuất trong tương lai.

+ Tìm kiếm và đánh giá các nguồn nguyên liệu thay thế từ thị trường trong và ngoài nước nhằm chủ động hơn trong hoạt động sản xuất.

- Đầu tư và ứng dụng công nghệ mới:

+ Nâng cấp dây chuyền sản xuất, cải tiến công nghệ chế biến sâu để tối ưu hiệu suất và tiết kiệm chi phí.

+ Ứng dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất.

- Quản trị tài chính và kiểm soát rủi ro:

+ Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất, tối ưu dòng tiền và đảm bảo cân đối tài chính trong bối cảnh thị trường biến động.

+ Chủ động thích ứng với các thay đổi về chính sách thuế, môi trường kinh doanh, xu hướng tiêu thụ sản phẩm trong nước và quốc tế.

- Phát triển bền vững:

+ Hoàn thành nghĩa vụ hoàn thổ và phục hồi môi trường sau khai thác theo quy định, đảm bảo phát triển hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và trách nhiệm với xã hội.

+ Duy trì chính sách lao động ổn định, nâng cao phúc lợi, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.

a. Rủi ro chính sách:

- Chính sách quản lý tài nguyên, môi trường ngày càng thắt chặt, ảnh hưởng đến quá trình xin cấp phép khai thác mới.

- Sự thay đổi về chính sách thuế, phí hoặc xuất khẩu quặng có thể tác động đến hiệu quả kinh doanh.

b. Rủi ro thị trường:

- Giá khoáng sản quốc tế biến động, nhu cầu tiêu thụ titan có thể bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế toàn cầu.

- Áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước gia tăng, đòi hỏi Công ty phải liên tục cải tiến để duy trì lợi thế.

c. Rủi ro nguồn nguyên liệu:

- Việc dừng khai thác do Giấy phép khai thác hết hạn có thể gây thiếu hụt nguyên liệu nếu quá trình xin cấp phép mở mới kéo dài hoặc nguồn thay thế chưa ổn định.

- Nếu không có chiến lược chủ động nguồn cung, hoạt động sản xuất có nguy cơ bị gián đoạn.

d. Rủi ro kinh tế - tài chính:

- Biến động lãi suất, tỷ giá hối đoái và chi phí vận hành tăng có thể làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

- Nền kinh tế trong nước và quốc tế có những biến động khó lường, ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm titan, đặc biệt từ các ngành hàng không, ô tô, sơn phủ, gốm sứ, bất động sản,....

e. Rủi ro môi trường và xã hội:

- Các quy định về bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe, yêu cầu Công ty phải có kế hoạch dài hạn để đáp ứng.

- Áp lực từ cộng đồng địa phương về các vấn đề liên quan đến môi trường và trách nhiệm xã hội ngày càng lớn, đòi hỏi Công ty phải có chính sách hỗ trợ phù hợp.

f. Rủi ro bất khả kháng:

- Thiên tai, biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, vận chuyển và sản xuất.

- Xung đột địa chính trị, căng thẳng thương mại giữa các quốc gia có thể tác động đến chuỗi cung ứng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH2025 /KH 2025	TH 2025 /TH 2024
1. Tổng doanh thu	Tr.đồng	137.000	119.902	87,52%	61,39%
2. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD				
3. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	3.558	2.056	57,79%	32,55%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	18.750	14.407	76,84%	44,86%
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	15.000	11.516	76,77%	45,09%
6. Đầu tư mới	Tr.đồng	11.066	2.452	22,16%	23,60%
7. Nộp ngân sách	Tr.đồng	18.445	12.586	68,24%	37,35%

Trong năm 2025, sản lượng tiêu thụ đạt 4.749 tấn sản phẩm các loại. Giá cả các loại sản phẩm về cơ bản không biến động nhiều so với năm trước. Các sản phẩm chế biến sâu về cơ bản cũng có sự cải thiện nhất định. Doanh thu 2025 đạt 87,52% so với kế hoạch năm 2025, giá trị kim ngạch xuất khẩu 2.055 triệu USD đạt 57,79% kế hoạch năm. Các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt giảm chỉ đạt: 76,84 % và 76,77% so với kế hoạch năm 2025.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đã thông qua kế hoạch tỷ lệ trả cổ tức năm 2024 là 13%. Tháng 05/2024, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 là 13% cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Ban điều hành:

a.1 Danh sách:

Ban điều hành của Công ty hiện nay gồm có:

- Ông: Trần Hồ Toại Nguyên : Tổng giám đốc
- Ông: Trần Cảnh Thịnh : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích : Kế toán trưởng.

a.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Ông TRẦN HỒ TOẠI NGUYỄN

Ngày sinh: 24/06/1983.
Nơi sinh: Thôn Trung Chánh, xã Đề Gi, Tỉnh Gia Lai.
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thôn Trung Chánh, xã Đề Gi, Tỉnh Gia Lai.
 Địa chỉ thường trú: Tổ 50, KV 6, P. Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai
 ĐT liên lạc ở cơ quan:
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
 Quá trình công tác:

- 10/2003 – 10/2006: Tổ phó tổ SX - Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 11/2006 – 10/2016: Nhân viên P. Tổng hợp - Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 11/2016 – 05/2022: Phó phòng P. Tổng hợp - Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 06/2022 – 07/2022: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 08/2022 – 09/2023: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 10/2023 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

 Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
 Trong đó: +Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Ông TRẦN CẢNH THỊNH

Ngày sinh: 20/03/1965
 Nơi sinh: Xã Phù Mỹ, tỉnh Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Phù Mỹ, tỉnh Gia Lai
 Địa chỉ thường trú: KV 12, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 0256.3822039
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
 Quá trình công tác:

- 09/1986 - 08/1994: Công tác tại Ban Quản lý Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn
- 09/1994 - 04/2001: Công tác tại Cảng Thị Nại Bình Định.
- 05/2001 - 03/2002: Công tác tại Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định.
- 04/2002 - 03/2007: Trưởng phòng Tổng hợp Cty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 04/2007 – 02/2012: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 03/2012 – 05/2022: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 06/2022 – đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định, người phụ trách quản trị Công ty.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định, Người phụ trách quản trị Công ty.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HUỲNH NGỌC BÍCH

Ngày sinh: 15/06/1965

Nơi sinh: Phường Tam Quan, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phường Tam Quan, Tỉnh Gia Lai

Địa chỉ thường trú: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại liên lạc: 0989 072 940

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- 07/1987 - 07/1995: Kế toán Công ty vật tư Bình Định
- 08/1995 - 04/2000: Kế toán tổng hợp Công ty Khoáng sản Bình Định.
- 05/2000 - 01/2008: Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 01/2008 - 10/2012: Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 11/2012 - 03/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 04/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 34.372 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 34.372 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Các thay đổi trong Ban điều hành năm 2025:

- Không có.

c. Người lao động tại Công ty:

c.1. Số lượng:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 195 người, trong đó có 35 người có trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng.

c.2 Chính sách đối với người lao động:

❖ Chế độ làm việc.

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 2 - 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo.**

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2025 là 11.066 triệu đồng. Giá trị đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị thực tế trong năm là 2.452 triệu đồng, đạt 22,2% kế hoạch năm,

chủ yếu là đầu tư cho việc mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng; sửa chữa nhà xưởng phục vụ sản xuất của Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	257.035	242.075	-5,82%
Doanh thu thuần	195.320	119.903	-38,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.116	14.406	-55,14%
Lợi nhuận khác	1	1	0%
Lợi nhuận trước thuế	32.117	14.407	-55,14%
Lợi nhuận sau thuế	25.541	11.517	-54,91%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	63,08%	69,94%	10,88%

DVT: triệu đồng

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2024
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.042,41%	1.411,56%
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	561,80%	601,71%
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	7,88%	5,85%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	8,55%	6,22%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	162,27%	88,02%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	76,93%	48,05%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,08%	9,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,79%	5,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,94%	4,76%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	16,44%	12,02%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 12.392.630

Trong đó: cổ phần phổ thông : 12.392.630
 Số lượng cổ phần đang lưu hành : 12.392.630
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.392.630
 Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu: (tại ngày 17/09/2025)

STT	Đối tượng sở hữu vốn	Tổng cộng	Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	Cổ đông sở hữu dưới 1 %
I	TRONG NƯỚC					
	- Số lượng CP	11.841.073	3.098.084	1.851.100	1.008.500	5.883.389
	- Tỷ lệ (%)	95,55%	24,99%	14,94%	8,14%	47,47%
	Trong đó:					
1	Tổ chức					
	- Số lượng CP	5.008.531	3.098.084	1.851.100		59.347
	- Tỷ lệ (%)	40,42%	24,99%	14,94%		0,48%
2	Cá nhân					
	- Số lượng CP	6.832.542			1.008.500	5.824.042
	- Tỷ lệ (%)	55,13%	0,00%	0,00%	8,14%	47,00%
II	NƯỚC NGOÀI					
	- Số lượng CP	551.557	0	0	255.784	295.773
	- Tỷ lệ (%)	4,45%	0,00%	0,00%	2,06%	2,39%
	Trong đó:					
1	Tổ chức					
	- Số lượng CP	352.049			255.784	96.265
	- Tỷ lệ (%)	2,84%	0,00%	0,00%	2,06%	0,78%
2	Cá nhân					
	- Số lượng CP	199.508				199.508
	- Tỷ lệ (%)	1,61%	0,00%	0,00%	0,00%	1,61%
III	TỔNG CỘNG					
	- Số lượng CP	12.392.630	3.098.084	1.851.100	1.264.284	6.179.162
	- Tỷ lệ (%)	100,00%	24,99%	14,94%	10,20%	48,86%
	Trong đó:					
1	Tổ chức					
	- Số lượng CP	5.360.580	3.098.084	1.851.100	255.784	155.612
	- Tỷ lệ (%)	43,26%	24,99%	14,94%	2,06%	1,26%

2	Cá nhân					
	- Số lượng CP	7.032.050	0	0	1.008.500	6.023.550
	- Tỷ lệ (%)	56,74%	0,00%	0,00%	8,14%	48,61%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng, năm	Hình thức tăng vốn	Tỷ lệ phát hành	Vốn ĐL trước phát hành	Vốn ĐL sau phát hành
05/2007	Phát hành cổ phiếu thưởng	1:2	13.114.000.000	39.342.000.000
02/2008	Bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu		39.342.000.000	82.618.200.000
04/2012	Phát hành cổ phiếu thưởng	2:1	82.618.200.000	123.926.300.000

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

a. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Trong quá trình sản xuất, sự hoạt động của các hệ thống máy móc và thiết bị sẽ phát thải một lượng khí nhà kính nhất định. Trong các sản phẩm Công ty sản xuất có sản phẩm xi titan, sản phẩm này được sản xuất từ các lò luyện chuyên dụng, sự hoạt động của các lò này làm phát thải một lượng khí nhà kính nhất định. Mặt khác các lò luyện này tiêu thụ một lượng điện năng đáng kể, là một yếu tố làm phát thải gián tiếp khí nhà kính

Trong quá trình hoạt động, công ty cũng sử dụng một số thiết bị như xe máy, máy sấy quần v.v. Các loại thiết bị này trong quá trình hoạt động cũng sinh ra một lượng khí nhà kính nhất định.

Sản phẩm sản xuất ra cần được đưa đi tiêu thụ. Thị trường tiêu thụ có thể trong nước hoặc nước ngoài. Việc thuê phương tiện vận chuyển để phục vụ việc bán hàng cũng gián tiếp làm phát sinh một lượng khí nhà kính thải vào môi trường.

b. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Trong quá trình sản xuất, việc sử dụng các loại nhiên liệu, chất khử ... tất yếu sẽ dẫn đến phát thải khí nhà kính vào môi trường. Tuy vậy, công ty cũng cố gắng thực hiện các biện pháp có thể nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính vào môi trường.

- Tích cực áp dụng các cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nhằm giảm mức độ tiêu hao năng lượng, điện năng, nguyên nhiên liệu trên một đơn vị sản phẩm nhằm giảm mức độ phát thải khí nhà kính vào môi trường.

- Sử dụng năng lượng tái tạo để thay thế một phần nhiên liệu hóa thạch.

- Trồng cây xanh để lọc bụi và cải thiện vi khí hậu khu vực.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất trong năm:

* Xí nghiệp sa khoáng Nam Đê Gi:

- Dầu diezen: 18 ngàn lít
- Cùi khô: 744,5 tấn

* Nhà máy Xi Titan Bình Định:

- Dầu diezen: 41,1 ngàn lít
- Than các loại: 286,7 tấn

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

* Xí nghiệp sa khoáng Nam Đê Gi: 0,547 triệu kWh

- Khai thác quặng: 0, triệu kWh
- Chế biến tinh: 0,547 triệu kWh

* Nhà máy Xi Titan Bình Định: 9,133 triệu kWh

- Lò luyện: 7,416 triệu kWh
- Các phân xưởng khác: 1,717 triệu kWh

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

* Xí nghiệp sa khoáng Nam Đê Gi:

- Nguồn cung cấp nước: khai thác tại chỗ
- Lượng nước sử dụng $\approx 20\text{m}^3/\text{ngày}$ (chủ yếu dùng cho sinh hoạt)

* Nhà máy Xi Titan Bình Định:

- Nguồn cung cấp nước: mua của cụm công nghiệp
- Lượng nước sử dụng: $30\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Lượng nước thải : $28\text{m}^3/\text{ngày}$, phần còn lại bốc hơi

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Tỷ lệ nước tái sử dụng khoảng: 90 %

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có,

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động.

Tại 31/12/2025 Công ty có 197 lao động, thu nhập bình quân người lao động trong năm 2025 là 12,8 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 2 - 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Về công tác an toàn lao động lãnh đạo Công ty thường xuyên quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức hỗ trợ bình quân hàng năm khoảng 1,5% lợi nhuận sau thuế.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tình hình thực hiện kế hoạch 2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH 2025 /KH 2025	TH 2025 /TH 2024
1. Tổng doanh thu	Tr.đồng	137.000	119.902	87,52%	61,39%
2. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD	0	0	0	0
3. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	3.558	2.056	57,79%	32,55%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	18.750	14.407	76,84%	44,86%
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	15.000	11.516	76,77%	45,09%
6. Đầu tư mới	Tr.đồng	11.066	2.452	22,16%	23,60%
7. Nộp ngân sách	Tr.đồng	18.445	12.586	68,24%	37,35%

b. Đánh giá kết quả SXKD:

Năm 2025, hoạt động sản xuất của Công ty giảm hơn so với năm trước, số lượng sản xuất tại các nhà máy và xí nghiệp nhìn chung thực hiện đạt 53,4% kế hoạch sản lượng sản xuất mà Công ty đã đề ra từ đầu năm. Chất lượng sản phẩm về cơ bản là thỏa mãn yêu cầu của thị trường và khách hàng, làm tiền đề thuận lợi cho việc bán hàng cũng như phát triển khách hàng mới.

Về hoạt động kinh doanh, nhìn chung tình hình kinh tế và thị trường titan thế giới vẫn chưa phục hồi, hoạt động kinh doanh của Công ty vì thế cũng bị ảnh hưởng vì vấn đề này. Nhu cầu của thị trường đối với một số sản phẩm là tương đối ổn định, bên cạnh đó cũng có một số ít sản phẩm nhu cầu thị trường giảm sút, có làm ảnh hưởng đến doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty.

Về cơ bản, Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2025. Lợi nhuận trước thuế đạt 14,407 tỷ, đạt 76,78% và lợi nhuận sau thuế đạt 11,516 tỷ, đạt 76,8% so với kế hoạch năm 2025.

Thuận lợi, khó khăn:

- Vấn đề thị trường:

Nhìn chung thị trường thế giới các mặt hàng khoáng sản titan năm 2025 chịu nhiều tác động có ảnh hưởng khác nhau, trong đó có tác động tiêu cực của chiến tranh ở châu Âu, giá cả các loại sản phẩm titan do đó cũng có diễn biến phức tạp.

+ Đối với các sản phẩm tinh quặng titan: Giá bán các loại sản phẩm tinh quặng có mức tăng không đáng kể.

+ Đối với các sản phẩm chế biến sâu: Giá sản phẩm chế biến sâu vẫn chưa cải thiện so với năm trước một số sản phẩm còn có xu hướng giảm.

Đối với sản phẩm gang, về cơ bản trong năm giá cả đối với sản phẩm này là tương đối ổn định, về cơ bản không có biến động nhiều.

- Vấn đề về khó khăn khác:

Trong năm 2025, Công ty cũng gặp một số khó khăn nhất định liên quan đến việc xin gia hạn giấy phép mở khai thác chưa xong, sử dụng nhiều nguyên liệu mua ngoài để chế biến cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh chung.

c. Những tiến bộ đạt được:

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

- Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, tiết kiệm chi phí khai thác, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

- Trong khâu chế biến: Nhờ đầu tư máy móc thiết bị, Công ty đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm chế biến sâu về cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện xỉ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Công ty cũng có những biện pháp tích cực nhằm giảm thiểu lượng điện tiêu thụ trên đơn vị sản phẩm, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành.

- Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Năm 2025 Công ty được tiếp tục đánh giá là doanh nghiệp thực hiện tốt việc trồng cây phục hồi môi trường trên vùng mỏ sau khi khai thác xong.

2. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	17,89%	17,37%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	82,11%	82,63%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	7,88%	5,85%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	92,12%	94,15%
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	224,02%	246,95%
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1042,41%	1411,56%
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	12,50%	5,95%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,08%	9,61%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	10,79%	5,05%

a. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2024 có một số biến động nhất định. Tài sản ngắn hạn năm 2025 giảm 5,2% so với 2024, trong đó giá trị tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn cuối năm giảm, trong khi đó giá trị hàng tồn kho tăng 17,3%. Tài sản dài hạn giảm 8,5% chủ yếu là khấu hao tài sản cố định trong năm.

Về tỷ suất lợi nhuận: Các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và trên nguồn vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2024. Điều này là do trong năm 2025 nhìn chung chưa phục hồi về số lượng và giá cả đều giảm so với năm 2024. Trong năm 2025 doanh thu bằng 87,5% so với năm 2024, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng lần lượt bằng 76,8% và 76,8% do giảm doanh thu làm kết quả kinh doanh giảm theo..

- Các khoản nợ phải thu nhìn chung là bình thường. Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công ty không có bất cứ khoản nợ xấu cũng như khoản nợ khó đòi nào trên số dư nợ phải thu của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả năm 2025 giảm so với năm 2024 (30%) tương ứng với giá trị khoảng gần 6.077 triệu đồng. Nhìn chung tình hình nợ phải trả (nợ ngắn hạn và nợ dài hạn) là bình thường.

c. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Trong năm 2025, tỷ giá USD biến động không lớn. Mức độ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là không nhiều.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2006, hiện nay là gần 124 tỷ đồng, tổng tài sản cuối năm 2025 đạt hơn 242 tỷ đồng. Số lượng lao động đến 31/12/2025 là 195 người, địa bàn hoạt động mở rộng và mức độ phức tạp của quản lý theo đó cũng tăng lên tương ứng.

Trong bối cảnh đó, để đáp ứng với nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình quản lý từ mô hình quản lý hai cấp (cấp Công ty và cấp Phân xưởng) sang mô hình quản lý ba cấp (cấp Công ty, cấp Nhà máy, Xí nghiệp và cấp Phân xưởng).

Như vậy, mô hình quản lý mới bổ sung thêm cấp quản lý trung gian là cấp Nhà máy, Xí nghiệp. Việc bổ sung thêm cấp quản lý này một mặt tăng cường quyền hạn cũng như tính chủ động của người đứng đầu cấp Nhà máy, Xí nghiệp; khắc phục được những bất cập của mô hình quản lý cũ; mặt khác, trách nhiệm của các cấp quản lý cũng được tách bạch rõ ràng và nâng cao hơn một bước, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chung trong toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài, Công ty sẽ phát triển theo hướng tận dụng và phát huy mạnh mẽ các lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sa khoáng titan, tiếp tục nghiên cứu đầu tư các công nghệ chế biến titan sâu hơn trên cơ sở phát huy công nghệ hiện có và tiếp thu các công nghệ tiên tiến khác trong nước và trên thế giới. Tiếp tục nâng cao hàm lượng kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, tạo ra sự khác biệt về sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, tạo thế đứng vững chắc trong lĩnh vực khai thác và chế biến titan, tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm, làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh các sản phẩm chế biến titan truyền thống, Công ty cũng chú trọng đến việc mở rộng ngành nghề, thực hiện mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, góp phần tạo điều kiện cho sự phát triển ổn định và vững chắc của Công ty trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có. Ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý khí thải, hệ thống được duy trì và vận hành thường xuyên, liên tục, đảm bảo khí thải ra không gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình sản xuất Công ty cũng cần tiêu thụ một lượng nước nhất định, do áp dụng phương pháp hoàn lưu trong sử dụng nước nên lượng nước tiêu hao trong sản xuất được tiết giảm đáng kể góp phần giảm chi phí sản xuất cũng như giảm tác động đến tài nguyên môi trường.

Hàng năm Công ty đều dành một khoản kinh phí khá lớn để thực hiện việc trồng cây phục hồi môi trường trên diện tích mỏ đã khai thác xong. Công tác này được duy trì thường xuyên, liên tục được các cơ quan quản lý ghi nhận.

Để tạo cảnh quan tại nơi làm việc, Công ty cũng dành một khoản kinh phí nhất định để trồng cây tại khu vực sản xuất. Một mặt cải thiện điều kiện lao động, đồng thời cũng góp phần bảo vệ môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ về nghỉ phép, lễ, tết, các chế độ về nghỉ ốm, thai sản ... cho người lao động. Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ các chế độ về phúc lợi, bảo hiểm xã hội theo Luật Lao động

Để bảo đảm an toàn cho người lao động, Công ty trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân: quần áo bảo hộ, mặt nạ, khẩu trang, găng tay và các trang thiết bị cần thiết khác. Thường xuyên quán triệt cho người lao động về công tác an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể cũng được Công ty quan tâm và tạo điều kiện thuận tiện

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Công ty cũng thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương nơi doanh nghiệp đứng chân. Công ty đã tích cực chi hỗ trợ địa phương trong việc góp phần ổn định an sinh xã hội của địa phương phù hợp với khả năng tài chính của Công ty. Nhờ vậy đã tạo được sự đồng thuận cao với địa phương, góp phần tạo môi trường hoạt động tốt cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp 11 lần, đã ban hành 09 nghị quyết. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2025.

- Bên cạnh việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Trong năm 2025, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc nỗ lực thực hiện hoàn thành và vượt các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đề ra, ổn định thu nhập cho người lao động trong Công ty, tạo cơ sở cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và những năm sắp tới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2026 được đánh giá là năm vẫn còn nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen lẫn nhau do tình hình thế giới có nhiều biến động khó lường. Trên cơ sở tiềm lực và các nguồn lực hiện có, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường trách nhiệm của mình trong việc chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu trình đại hội. Cụ thể:

- Duy trì việc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp bất thường, kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty, giúp quá trình vận hành của doanh nghiệp ngày càng phù hợp với các quy định hiện hành và thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục chỉ đạo, nghiên cứu và ban hành/sửa đổi để không ngừng hoàn thiện các quy định về quản trị nội bộ để không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực quản lý trong công tác điều hành

- Trước mắt thực hiện một số giải pháp cụ thể: (i) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ vừa phòng chống dịch hiệu quả vừa ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong tình hình mới; (ii) tăng cường quản lý các định mức kinh tế - kỹ thuật, bố trí nhân sự phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý điều hành; (iii) tiếp tục nghiên cứu đầu tư các máy móc thiết bị phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025		Thành viên độc lập không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
		Cá nhân sở hữu	Đại diện theo ủy quyền		
	Cộng	0,28%	39,94%		
1	Lê Trung Hậu		24,99%	X	
2	Võ Thị Minh Hiền		14,94%	X	
3	Trần Cảnh Thịnh				
4	Huỳnh Ngọc Bích	0,28%			
5	Trần Hồ Toại Nguyễn				

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	
1	03/NQ-HĐQT-BMC	18/02/2025	Thống nhất chốt danh sách cổ đông để triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
2	04/NQ-HĐQT-BMC	11/03/2025	- Thống nhất báo cáo của Ban quản lý điều hành Công ty về tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV năm 2024 và năm 2024. - Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và địa điểm họp.	100%
3	05/NQ-HĐQT-BMC	11/03/2025	Thống nhất chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.	100%
4	08/NQ-HĐQT-BMC	14/04/2025	Thống nhất ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 lần thứ hai.	100%
5	10/NQ-HĐQT-BMC	09/05/2025	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	100%
6	17/NQ-HĐQT-BMC	24/09/2025	- Thống nhất triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.	100%
7	18/NQ-HĐQT-BMC	17/10/2025	- Thống nhất triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 lần thứ hai.	100%

• **Về ưu điểm:**

☞ *Về công tác chỉ đạo điều hành:*

HĐQT thống nhất cao về mục tiêu cùng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

☛ Về công tác nhân sự:

Trong năm 2025, để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện và ổn định cơ cấu tổ chức theo mô hình tổ chức quản lý mới theo hướng làm vững mạnh và phân nhiệm rõ ràng hơn, tạo điều kiện để các bộ phận chủ động trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Công ty giao, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

• Những hạn chế:

Do có những khó khăn nhất định trong thực hiện nên việc xúc tiến các hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm còn có phần lúng túng, tiến độ thực hiện chưa được đẩy mạnh và chưa tận dụng hết lợi thế Công ty cũng như cơ hội của thị trường để nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh lên cao hơn nữa.

• Biện pháp khắc phục:

Hoàn chỉnh cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của UBCK Nhà nước. Nghiên cứu, xem xét thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và các chức danh khác phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản trị của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, phối hợp hài hòa mối quan hệ giữa người lao động và cổ đông của Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Hội đồng quản trị của Công ty hiện có 02 thành viên độc lập không điều hành:

- Ông: Lê Trung Hậu

- Bà: Võ Thị Minh Hiền

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

f. Về việc tham gia các chương trình về quản trị công ty:

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị:
Ông: Trần Cảnh Thịnh
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025	
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
	Cộng	0,002%	
1	Nguyễn Hồ Tường Vy		
2	Nguyễn Thị Hải Vi	0,002%	
3	Nguyễn Thị Qui		

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần để thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với các hoạt động của Công ty. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm:

- Kiểm tra báo cáo tài chính cả năm; thẩm định báo cáo tài chính; báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn thực hiện công tác giám sát bao gồm giám sát việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

❖ *Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:*

• Hội đồng quản trị

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Lê Trung Hậu	Chủ tịch	96.000	42.569	138.569
2	Trần Hồ Toại Nguyễn	Thành viên	76.800	34.055	110.855
3	Cao Thái Định	Thành viên	44.800	34.055	78.855

4	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên	76.800	34.055	110.855
5	Huỳnh Ngọc Bích	Thành viên	76.800	34.055	110.855
6	Võ Thị Bích Hiền	Thành viên	6.400		6.400

• **Ban kiểm soát:**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Nguyễn Hồ Tường Vy	Trưởng ban	76.800	34.055	110.855
2	Đinh Thị Thu Hương	Thành viên	32.000	21.285	53.285
3	Nguyễn Thị Hải Vi	Thành viên	48.000	21.285	69.285
4	Nguyễn Thị Qui	Thành viên	4.000		4.000

❖ *Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Khác	Cộng
1	Trần Hồ Toại Nguyễn	Tổng GĐ	454.566	38.342	492.908
3	Trần Cảnh Thịnh	Phó TGD	487.063	39.464	526.527
4	Huỳnh Ngọc Bích	KTT	474.943	38.994	513.937

❖ *Thu nhập của các chức danh quản lý khác:*

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Khác	Cộng
1	Hồ Trọng Đức	Trưởng phòng	353.111	35.872	388.983
2	Cao Văn Viên	Trưởng phòng	288.777	31.426	320.203
3	Trần Hùng	Giám đốc	301.601	32.842	334.443
4	Võ Văn Tiêm	Giám đốc	352.447	34.788	387.235

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

1. Ý kiến kiểm toán.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2025	12 – 28

50
CC
7
CH
CHI
À K
PI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển Công ty Khoáng Sản Bình Định thành công ty Cổ Phần; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4100390008; Đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2001; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Trung Hậu	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2022)
Ông Cao Thái Định	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2025)
Ông Trần Cảnh Thịnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2022)
Bà Võ Thị Bích Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2025)
Ông Huỳnh Ngọc Bích	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2022)
Ông Trần Hồ Toại Nguyễn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2022)

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông Cao Thái Định	Người phụ trách KTNB	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2025)
-------------------	----------------------	--

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Hồ Toại Nguyễn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Ông Trần Cảnh Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2017)
Ông Huỳnh Ngọc Bích	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2017)

1729-C
CÔNG TY
NH
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
A NAM
PHỔ CỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Hồ Tường Vy	Trưởng ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 08 năm 2022)
Bà Đinh Thị Thu Hương	Thành viên ban kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Qui	Thành viên ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hải Vi	Thành viên ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2022)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Gia Lai, ngày 26 tháng 02 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc

Trần Hồ Toại Nguyễn



Số: 67.../BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Về Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định)

Kính gửi: - Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định** được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026 từ trang 07 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định** tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ả
C
C
KH
B
2/2

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



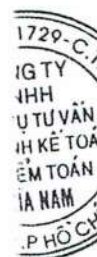
Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Tuyết

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0624-2023-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		200.016.309.314	211.050.541.521
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.993.052.853	45.356.517.032
1. Tiền	111		24.993.052.853	45.356.517.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000	35.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	25.000.000.000	35.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.943.778.790	12.744.913.029
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.587.500.000	9.822.892.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	769.710.000	2.578.200.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	586.568.790	343.820.229
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	114.329.212.736	97.307.014.845
1. Hàng tồn kho	141		114.329.212.736	97.307.014.845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.750.264.935	20.642.096.615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	19.619.917.136	20.056.718.862
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.130.347.799	585.377.753
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		42.058.941.350	45.984.622.512
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		7.928.423.500	7.928.423.500
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.928.423.500	7.928.423.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		22.610.955.675	24.886.798.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	22.610.955.675	24.886.798.865
- Nguyên giá	222		228.502.590.510	224.902.590.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.891.634.835)	(200.015.791.645)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8		
- Nguyên giá	228		32.950.000	32.950.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.950.000)	(32.950.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.519.562.175	13.169.400.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	11.519.562.175	13.169.400.147
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		242.075.250.664	257.035.164.033

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.169.913.147	20.246.329.163
I. Nợ ngắn hạn	310		14.169.913.147	20.246.329.163
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11		830.738.507
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	271.188.000	725.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13		146.724.174
4. Phải trả người lao động	314	V.14	5.211.625.070	9.358.126.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.195.790.424	5.337.833.988
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.336.185.462	2.615.780.209
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.17	1.155.124.191	1.232.125.345
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.18a	227.905.337.517	236.788.834.870
I. Vốn chủ sở hữu	410		227.905.337.517	236.788.834.870
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.391.000.000	19.391.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18e	73.071.201.536	67.930.096.036
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.516.835.981	25.541.438.834
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		11.516.835.981	25.541.438.834
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		242.075.250.664	257.035.164.033

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Hạnh

Huỳnh Ngọc Bích

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	119.902.758.308	195.319.562.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		119.902.758.308	195.319.562.182
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	93.141.584.270	141.509.999.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.761.174.038	53.809.562.358
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.603.510.092	5.082.151.038
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.520.182	584.816.160
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	4.218.968.331	6.655.776.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	10.717.638.878	19.535.337.015
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		14.406.556.739	32.115.783.361
11. Thu nhập khác	31	VI.5	702.110	1.064.900
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		702.110	1.064.900
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.407.258.849	32.116.848.261
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.890.422.868	6.575.409.427
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.11	11.516.835.981	25.541.438.834
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	636	1.756

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Ngọc Hạnh

Huỳnh Ngọc Bích



Trần Hồ Toại Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.407.258.849	32.116.848.261
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.875.843.190	6.586.037.037
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(17.212.783)	(963.474.275)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.473.279.317)	(2.047.767.736)
- Chi phí lãi vay	06			
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.792.609.939	35.691.643.287
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.661.349.480	2.076.808.698
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.022.197.891)	(20.206.244.989)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.924.012.717)	(4.864.808.913)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.649.837.972	246.855.485
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.332.740.501)	(6.742.090.451)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.175.153.718)	6.202.163.117
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.600.000.000)	(3.438.819.580)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(35.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	43.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.504.895.756	2.141.519.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.904.895.756	6.702.699.694

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.110.419.000)	(14.251.524.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.110.419.000)	(14.251.524.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(10.380.676.962)	(1.346.661.689)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45.356.517.032	45.739.704.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.212.783	963.474.275
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	34.993.052.853	45.356.517.032

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Ngọc Hạnh

Huỳnh Ngọc Bích

Trần Hồ Toại Nguyễn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển Công ty Khoáng Sản Bình Định thành công ty Cổ Phần; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4100390008; Đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2001; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 123.926.300.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Số lượng công nhân viên đến ngày 31/12/2025: 195 người

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp; Khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác; Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí); Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản; Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

011729

ÔNG TY

TNNH

TRUYỀN

VIỆT KẾ

KIỂM TO

PHÍA NAM

T. PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.2 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

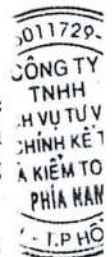
Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

12.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	214.123.670	147.832.602
* Tiền gửi ngân hàng	24.778.929.183	45.208.684.430
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Bình Định (VND)	1.984.539.510	2.214.349.868
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VND)	6.298.894.279	1.215.957.530
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Bình Định (# 875,422.76 USD)	8.901.313.021	22.109.677.227
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (# 778.789,23 USD)	7.587.023.035	19.665.206.847
- Tài khoản thu phí tự động (VETC 77A-27726)	3.384.588	3.492.958
- Tài khoản thu phí tự động EPASS	3.774.750	
* Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Bình Định (*)	10.000.000.000	
Cộng	34.993.052.853	45.356.517.032

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2025/300539/HĐTG ngày 05/11/2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

CN Bình Định và Công ty CP Khoáng Sản Bình Định; Số tiền: 10.000.000.000 đồng; Kỳ hạn 3 tháng; Lãi suất: 3%/năm.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
* Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Bình Định (1)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (2)				
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000

Ghi chú:

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2025/300539/HĐTG ngày 03/11/2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định và Công ty CP Khoáng Sản Bình Định; Số tiền: 20.000.000.000 đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất: 4,2%/năm.

(2) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/BMC-VCB BINHDINH ngày 05/11/2025 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Định và Công ty CP Khoáng Sản Bình Định; Số tiền: 5.000.000.000 đồng; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất: 4,3%/năm.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.587.500.000	9.822.892.800
- Hyundai Welding (Kunshan) Co., Ltd China		8.177.892.800
- Hyundai Welding (Kunshan) - Vina	2.587.500.000	1.645.000.000
Cộng	2.587.500.000	9.822.892.800

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn	769.710.000	2.578.200.000
- Công ty TNHH XD TM TN Nhân Hưng		1.800.000.000
- Công ty CP Thiết bị Hạ tầng Facon		
- Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Nam nguyên	200.000.000	
- Công ty TNHH Tư vấn DV TM XD Đạt Phương	200.000.000	
- Công ty TNHH Tư vấn Địa chất Minh Huy	300.000.000	
- Khách hàng khác	69.710.000	778.200.000
Cộng	769.710.000	2.578.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a- Phải thu ngắn hạn khác	586.568.790		343.820.229	
- Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	374.075.640		99.710.640	
- Lãi dự thu	212.493.150		244.109.589	
b- Phải thu dài hạn khác	7.928.423.500		7.928.423.500	
* Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	7.928.423.500		7.928.423.500	
- Ký quỹ môi trường mỏ 73 ha Phù Cát	438.000.000		438.000.000	
- Ký quỹ môi trường mỏ 150 ha Phù Cát	6.099.223.500		6.099.223.500	
- Công ty TM Việt Phước (Đặt cọc thuê kho)	79.200.000		79.200.000	
- Ký quỹ tiền điện (Ngân hàng BIDV) (*)	1.312.000.000		1.312.000.000	
Cộng	8.514.992.290		8.272.243.729	

Ghi chú (*): Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2021/300539/HĐBL ngày 01/07/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty CP Khoáng Sản bình Định;
- Số tiền bảo lãnh: 1.100.000.000 đồng;
- Bên nhận bảo lãnh: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung - đại diện là Công ty Điện lực Bình Định;
- Nghĩa vụ được bảo lãnh: Bảo lãnh thanh toán cho hợp đồng mua bán điện số 21/569355 ngày 11/06/2021;
- Thời hạn bảo lãnh: Kể từ ngày phát hành đến hết ngày 31/01/2026;
- Hình thức phát hành bảo lãnh: Thư bảo lãnh.

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	28.534.095.336		24.124.075.085	
- Công cụ, dụng cụ	3.110.576.434		2.547.049.367	
- Chi phí SXKD dở dang	4.004.377.942		155.520.000	
- Thành phẩm	78.680.163.024		70.480.370.393	
Cộng	114.329.212.736		97.307.014.845	

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	55.935.850.465	141.063.716.342	24.876.640.957	3.026.382.746	224.902.590.510
- Mua trong năm		3.600.000.000			3.600.000.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối năm	55.935.850.465	144.663.716.342	24.876.640.957	3.026.382.746	228.502.590.510
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.671.544.368	133.587.435.681	20.284.285.198	1.472.526.398	200.015.791.645
- Khấu hao trong năm	2.591.436.309	1.907.787.983	984.756.402	391.862.496	5.875.843.190
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	47.262.980.677	135.495.223.664	21.269.041.600	1.864.388.894	205.891.634.835
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.264.306.097	7.476.280.661	4.592.355.759	1.553.856.348	24.886.798.865
Tại ngày cuối năm	8.672.869.788	9.168.492.678	3.607.599.357	1.161.993.852	22.610.955.675

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 174.964.412.378 đồng
8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			32.950.000		32.950.000
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm			32.950.000		32.950.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			32.950.000		32.950.000
- Khấu hao trong năm					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm			32.950.000		32.950.000
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm					
2. Tại ngày cuối năm					

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.950.000 đồng

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

- * Chi phí trả trước dài hạn
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ
- Tiền thuê đất NMX 45 năm theo hợp đồng thuê đất
- Chi phí hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng
- Chi phí đề án xin mỏ
- Hệ thống Phòng cháy chữa cháy cho Nhà máy luyện xi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
11.519.562.175	13.169.400.147
1.906.748.110	2.032.203.294
8.913.771.000	9.228.411.000
100.000.000	300.000.000
453.209.730	1.379.619.186
145.833.335	229.166.667
11.519.562.175	13.169.400.147

10. TÀI SẢN KHÁC

- * Tài sản ngắn hạn khác
- Thuế GTGT được khấu trừ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
19.619.917.136	20.056.718.862
19.619.917.136	20.056.718.862
19.619.917.136	20.056.718.862

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

*** Phải trả người bán ngắn hạn**

- Xí Nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ Tầng Pisico
- Công ty TNHH TM DV An Bảo Nam
- Trung tâm Quan trắc môi trường Bình Định
- Khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		830.738.507	830.738.507
		174.784.507	174.784.507
		162.000.000	162.000.000
		130.273.000	130.273.000
		363.681.000	363.681.000
		830.738.507	830.738.507

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

*** Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- CN Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn - Xí Nghiệp Que Hàn Điện Khánh Hội
- Công ty CP Đầu Tư & TM Quốc Tế Rồng Vàng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
271.188.000	725.000.000
	725.000.000
271.188.000	
271.188.000	725.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
I. Thuế	585.377.753	107.453.641	10.703.099.737	12.333.257.732	2.108.082.107	
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu						
- Thuế xuất, nhập khẩu			5.231.284.310	5.730.329.110	499.044.800	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		107.453.641	2.890.422.868	3.332.740.501	334.863.992	
- Thuế thu nhập cá nhân	105.950.090		1.104.713.109	1.107.193.119	108.430.100	
- Thuế tài nguyên	479.427.663		1.337.705.213	2.011.372.920	1.153.095.370	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất			138.974.237	151.622.082	12.647.845	
- Thuế Môn bài						
II. Các khoản phải thu khác		39.270.533	3.860.000	65.396.225	22.265.692	
- Phí bảo vệ môi trường		39.270.533		61.196.225	21.925.692	
- Các khoản khác			3.860.000	4.200.000	340.000	
Cộng	585.377.753	146.724.174	10.706.959.737	12.398.653.957	2.130.347.799	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm

5.211.625.070

Số đầu năm

9.358.126.939

5.211.625.070

9.358.126.939

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Kinh phí Xây dựng cơ sở hạ tầng mỏ 150ha

- Tiền trồng rừng

- Tiền điện K3 tháng 12/2025

- Công ty CP Tư Vấn Đạt Phương

- Xí Nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Pisico

- Công ty TNHH Tư Vấn Địa Chất Minh Huy

- Công ty TNHH DV TM XD Nam Nguyễn

- Phải trả khác

Cộng

Số cuối năm

5.195.790.424

Số đầu năm

5.337.833.989

2.093.176.000

2.093.176.000

978.857.000

978.857.000

493.128.016

616.830.781

399.999.778

399.999.778

18.340.800

879.629.630

879.629.630

281.000.000

281.000.000

70.000.000

70.000.000

5.195.790.424

5.337.833.989

16. PHẢI TRẢ KHÁC

* Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí Công đoàn

- Kinh phí CSHT mỏ

- Phan Huy Hoàng

- Tạm thu thuế thu nhập cá nhân

- Thuế thu nhập cá nhân người ngoài công ty

- Quỹ trả cổ tức

- Cổ tức 10% năm 2011 của cổ đông lưu ký sản chứng khoán SME

- Thù lao HĐQT, BKS và thư ký trích cho tháng 12

- Kinh phí hỗ trợ địa phương

- Khác

Cộng

Số cuối năm

2.336.185.462

Số đầu năm

2.615.780.209

84.989.017

110.989.057

1.769.668.143

1.769.668.143

239.682.715

230.501.725

156.893.925

422.168.147

22.157.400

19.677.400

11.981.500

11.981.500

1.949.000

1.949.000

48.000.000

48.000.000

863.762

845.237

2.336.185.462

2.615.780.209

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng

- Quỹ phúc lợi

- Quỹ Ban điều hành, hỗ trợ địa phương

Cộng

Số cuối năm

3.102

Số đầu năm

604.202

644.292.312

1.231.521.143

510.828.777

1.155.124.191

1.232.125.345

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	123.926.300.000	19.391.000.000	58.790.260.496		26.201.945.088	228.309.505.584
- Tăng vốn trong năm trước					25.541.438.834	25.541.438.834
- Lãi trong năm trước			9.139.835.540			9.139.835.540
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước					26.201.945.088	26.201.945.088
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	67.930.096.036		25.541.438.834	236.788.834.870
- Tăng vốn trong năm nay					11.516.835.981	11.516.835.981
- Lãi trong năm nay			5.141.105.500			5.141.105.500
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay					25.541.438.834	25.541.438.834
- Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	73.071.201.536		11.516.835.981	227.905.337.517

Ghi chú:

73071201536

11.516.835.981

(*) (*)Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 10/NQ-ĐHĐCĐ-BMC ngày 09/05/2025.

Số tiền (VND)

- Trích cổ tức năm 2024

16.110.419.000

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024

3.523.671.169

- Thương ban điều hành năm 2024

255.414.388

- Quỹ đầu tư phát triển năm 2024

5.141.105.500

- Trích hỗ trợ địa phương

510.828.777

Cộng**25.541.438.834**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của đối tượng khác	100%	123.926.300.000	123.926.300.000
Cộng	100%	123.926.300.000	123.926.300.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	123.926.300.000	123.926.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	16.110.419.000	14.251.524.500

d/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.392.630	12.392.630
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp	73.071.201.536	67.930.096.036
- Quỹ Đầu tư và Phát triển	73.071.201.536	67.930.096.036

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	632.629,31	1.654.211,99
Cộng	632.629,31	1.654.211,99

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	119.902.758.308	195.319.562.182
Cộng	119.902.758.308	195.319.562.182

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	93.141.584.270	141.509.999.824
Cộng	93.141.584.270	141.509.999.824

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.473.279.317	2.046.702.836
703.441.252	2.071.973.928
426.789.523	963.474.275
2.603.510.092	5.082.151.039

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
21.520.182	584.816.465
21.520.182	584.816.465

5. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý TSCĐ
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
702.110	1.064.900
702.110	1.064.900

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

- Dịch vụ mua ngoài

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.218.968.331	6.655.776.556
4.218.968.331	6.655.776.556

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý
- Thuế và lệ phí
- Dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.981.184.206	7.248.850.215
85.065.584	98.977.246
247.202.992	247.202.992
343.670.082	5.263.647.086
4.925.452.869	6.501.068.476
135.063.145	175.591.000
10.717.638.878	19.535.337.015

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
104.545.758.127	118.541.683.720
18.662.978.250	26.089.382.212
5.875.843.190	6.586.037.037
31.852.839.280	53.077.540.166
491.426.082	5.538.215.332
161.428.844.929	209.832.858.467

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.890.422.868	6.575.409.427
2.890.422.868	6.575.409.427



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	11.516.835.981	25.541.438.834
- Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.638.839.529	3.779.085.557
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.877.996.452	21.762.353.277
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.392.630	12.392.630
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	636	1.756

Ghi chú: Việc trích số Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi năm nay tạm tính theo kết quả phân chia phân chia lợi nhuận năm 2024 của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 10/NQ-ĐHĐCĐ-BMC ngày 09/05/2025.

10. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	538.400.000	576.000.000
Cộng	538.400.000	576.000.000

11. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	14.407.258.849	32.116.848.261
+ Các khoản điều chỉnh tăng	951.753.794	1.404.242.411
+ Các khoản điều chỉnh giảm	906.898.306	644.043.536
+ Tổng thu nhập chịu thuế	14.452.114.337	32.877.047.136
+ Thuế TNDN phải nộp năm nay	2.890.422.868	6.575.409.427
+ Thuế TNDN được miễn, giảm		
+ Thuế TNDN còn phải nộp	2.890.422.868	6.575.409.427
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.516.835.981	25.541.438.834

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- 1- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:
Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- 2- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:
Trong kỳ, Công ty không phát sinh các khoản tiền nắm giữ không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
- Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định	Cổ đông lớn
- Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

b. Trong năm 2025, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan: Không có

c. Tại ngày 31/12/2025 số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau: Không có

2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản và chỉ có mặt hàng chủ yếu là các loại quặng khoáng sản titan, hoạt động sản xuất của công ty là một quy trình khép kín từ khâu khai thác đến khâu sản xuất ra thành phẩm tiêu thụ.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi một tỉnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

Tình hình sử dụng công cụ tài chính phát sinh tại doanh nghiệp:

- Về hợp đồng kỳ hạn: Không phát sinh

IX. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ... năm 2023 được trích vào năm 2024, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ... do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập các quỹ này. Do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh và trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
		Số liệu trình bày trước đây	Ảnh hưởng của việc trình bày lại	Số liệu đã được trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.855	(99)	1.756

55011721
CÔNG T
TNHH
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA NAI
I - T.P.HC

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Các thông tin liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan	Số người	Nội dung	Giá trị (VND)
Hội đồng quản trị	5	Thù lao của HĐQT	377.600.000
Lê Trung Hậu		Chủ tịch HĐQT	96.000.000
Trần Cảnh Thịnh		Thành viên	76.800.000
Cao Thái Định		Thành viên	44.800.000
Huỳnh Ngọc Bích		Thành viên	76.800.000
Trần Hồ Toại Nguyễn		Thành viên	76.800.000
Võ Thị Bích Hiền		Thành viên	6.400.000
Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	3	Tiền lương	1.416.572.500
Trần Hồ Toại Nguyễn		Tổng giám đốc	454.566.400
Trần Cảnh Thịnh		Phó tổng giám đốc	487.063.000
Huỳnh Ngọc Bích		Kế toán trưởng	474.943.100
Ban Kiểm soát	3	Thù lao của BKS	160.800.000
Nguyễn Hồ Tường Vy		Trưởng BKS	76.800.000
Đinh Thị Thu Hương		Thành viên	32.000.000
Nguyễn Thị Hải Vi		Thành viên	48.000.000
Nguyễn Thị Qui		Thành viên	4.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Các chức danh quản lý khác	4	Tiền lương	1.295.937.900
Hồ Trọng Đức		Trưởng phòng Tổng hợp	353.111.500
Cao Văn Viên		Trưởng phòng kỹ thuật	288.777.500
Trần Hùng		Giám đốc XN SK Nam Đề Gi	301.601.500
Võ Văn Tiệm		Giám đốc NM xi Titan Bình Định	352.447.400

2. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

3. Những thông tin khác

Thuyết minh biến động lợi nhuận năm 2025 so với cùng kỳ năm trước

Doanh thu Công ty trong năm 2025 đạt được 119,9 tỷ đồng giảm so với năm 2024 chỉ đạt 61,4% , làm cho lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm so với năm 2024 lần lượt chỉ bằng 44,9 % và 45,1% do nguyên nhân chính sau:

- Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý xin gia hạn và cấp mới quyền khai thác để có thể chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất. Nền hiện nay Công ty sử dụng nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất là chủ yếu từ mua từ bên ngoài nên chi phí đầu vào tăng cao dẫn đến giá mua nguyên liệu đầu vào và chi phí sản xuất tăng hơn năm trước, dẫn đến kết quả kinh doanh so với năm 2024 giảm đáng kể như đã trình bày trong báo cáo.



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Ngọc Hạnh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Hồ Toại Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hồ Coai Nguyễn

